

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày 22-02- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng T1.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Đây.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản” Teo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-DS, ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Các nguyên Đ:

1. Bà Dương Thị L, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Te, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 29, ấp M, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Bà Dương Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp M, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

4. Bà T1ều Thị Kim T1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp M, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của bà Dương Thị T và bà T1ều Thị Kim T1 là bà Nguyễn Thị Te, sinh năm 1962, Teo Hợp đồng ủy quyền ngày 06 tháng 3 năm 2018 (có mặt).

5. Bà Dương Thị P, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp M, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Bà Nguyễn Thị sinh năm 1974 (có mặt) và ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn K là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, Teo Giấy ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2018 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 22, ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

7. Bà Trần N, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 03, ấp Long Châu, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

8. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967 (có mặt) và ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 22, ấp M, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn P1 là bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967, Teo Giấy ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2018 (có mặt).

9. Bà Phạm Thị Bích V, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 24, ấp M, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

10. Bà Trần Thị H, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 24, ấp M, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

11. Bà Nguyễn Thị H1 (8 Phụng), sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

12. Bà Thái Thị T1, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 22, ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

13. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

14. Bà P1n Thị Kim P1, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

15. Bà Trần Thị V, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 07, ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Bị Đ:

1. Trần Thị Yên Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2. Trần Văn N, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C Việt Nam bà Trần Thị Thanh Trúc, sinh năm 1975, Trưởng phòng - Phòng giao dịch Nam Châu Đốc T1ộc Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi nhánh Châu Đốc, Teo Văn bản ủy quyền số: 837/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16 tháng 11 năm 2018 (có mặt).

2. Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê ThA Tôn và 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP X Việt Nam ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1979, Cán bộ Ngân hàng TMCP X Việt Nam – Phòng giao dịch Cái Dầu, Teo Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2019 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đ khởi kiện, các lần H2 giải và tại phiên tòa xét xử các nguyên Đ trình bày có tham gia các dây hụi do bà Yên Đ và ông Nhân làm chủ, cụ thể như sau:

* Bà Dương Thị Luyến trình bày:

Vợ chồng bà Yên Đ, ông N làm chủ hụi, bà có tham gia các dây hụi sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng, khởi khai ngày 24/6/2017 âm lịch. 04 tháng khai 01 lần, khai vào ngày 24, hụi gồm 10 phần, bà Luyến tham gia 01 phần, châu được 02 lần, đóng 13.000.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, khởi khai ngày 19/6/2017 âm lịch, khai 01 tháng 01 lần, khai ngày 19 hàng tháng, hụi gồm 25 phần, bà Luyến tham gia 02 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 05 lần, 05 x 1.500.000 đồng x 02 phần = 15.000.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 20/7/2017 âm lịch, khai 01 tháng 01 lần, khai ngày 20 hàng tháng, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 01 phần, dây hụi này bà châu được 05 lần với số tiền là 6.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 09/8/2017 âm lịch, hụi tuần, gồm 50 phần, bà tham gia 02 phần, châu đợc 17 lần với số tiền 2.900.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ năm: Hụi 20.000 đồng, khởi khui ngày 29/9/2017 âm lịch, hụi ngày, gồm 60 phần, bà tham gia 05 phần, dây hụi này châu đợc 54 lần, tổng số tiền gúp hụi là 5.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ sáu: Hụi 20.000 đồng, khởi khui ngày 29/10/2017 âm lịch, hụi ngày, gồm 60 phần, bà tham gia 03 phần, dây hụi này châu đợc 30 lần, tổng số tiền gúp hụi là 540.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng là 43.240.000 đồng. Nay yêu cầu vợ chồng Yên Đ pH có trách nhiệm trả số tiền hụi này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà Nguyễn Thị Te trình bày:

Trong giấy hụi ghi tên Lắm là chồng của bà chứ không ghi tên bà, nhưng bà là người trực tiếp chơi hụi, đóng hụi và đi khui đầy đủ.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 15/9/2015 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, khui ngày 15 hàng tháng, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 02 phần, dây hụi này bà hốt chót, 02 phần là 27.000.000 đồng x 02 phần bằng số tiền 54.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 17/02/2017 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm 24 phần, bà tham gia 03 phần, dây hụi này bà hốt chót, 03 phần với số tiền 62.680.000 đồng (dây 1: 22.680.000 đồng, dây 2: 20.000.000 đồng, dây 3: 20.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 20/7/2017 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 03 phần, dây hụi này châu đợc 04 lần với số tiền 7.350.000 đồng (1.680.000 + 180.000 + 1.800.000 + 2.070.000).

- Dây hụi thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng, khởi khui ngày 19/6/2017 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 25 phần, bà tham gia 03 phần, dây hụi này châu đợc 05 lần 24.000.000 đồng, mua hụi 2.000.000 đồng với số tiền 34.860.000 đồng, với số tiền 58.860.000 đồng (4.800.000 + 4.260.000 + 4.620.000 + 4.380.000 + 4.080.000).

- Dây hụi thứ năm: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 09/8/2017 âm lịch (thứ năm), hụi tuần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 15 phần, dây hụi này châu đợc 15 lần với số tiền 16.980.000 đồng, hốt đợc 01 lần với số tiền 4.324.000 đồng (chưa nhận tiền), cộng lại là 21.304.000 đồng.

- Dây hụi thứ sáu: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 15/6/2017 âm lịch (chủ nhật), hụi tuần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 10 phần, dây hụi này châu đợc 21 lần với số tiền 16.540.000 đồng, hốt đợc 01 lần với số tiền 4.284.000 đồng (chưa nhận tiền), cộng lại là 20.824.000 đồng.

- Dây hụi thứ bảy: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 17/6/2017 âm lịch (thứ ba), hụi tuần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 10 phần, dây hụi này châu đợc 22 lần với số tiền 18.010.000 đồng, chưa hốt.

- Dây hụi thứ tám: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 11/4/2017 âm lịch, hụi tuần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 05 phần, dây hụi này châu đợc 34 lần với số tiền 13.755.000 đồng, hốt lần thứ 35 đợc 4.580.000 đồng, hốt lần thứ 36 đợc 4.555.000 đồng, cộng lại là 22.890.000 đồng.

- Dây hụi thứ chín: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 04/10/2017 âm lịch, hụi tuần, hụi gồm 60 phần, bà tham gia 10 phần, 05 ngày châu 900.000 đồng, châu đợc 10 lần là 9.000.000 đồng, hốt chốt là 10.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ mười: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 29/9/2017 âm lịch, hụi tuần, hụi gồm 60 phần, bà tham gia 05 phần, 05 ngày châu 450.000 đồng, châu đợc 11 lần 4.950.000 đồng, hốt chốt là 5.500.000 đồng.

Tổng cộng là 281.418.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng Yên Đ, N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà Dương Thị T trình bày:

T là con của bà Te và ông Lắm, trong giấy hụi cũng tên Tư Lắm.

Vợ chồng bà Yên Đ, ông N làm chủ hụi, bà có tham gia các dây hụi sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 06/7/2016 âm lịch. 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm 32 phần, bà tham gia 4 phần, châu đợc 18 lần, với số tiền 47.800.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 09/4/2017 âm lịch, khui 01 tháng 02 lần, khui ngày 09 và 24 hàng tháng, hụi gồm 24 phần, bà tham gia 03 phần. Đối với dây hụi này, bà châu đợc 17 lần, với số tiền 26.960.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 02 dây hụi là 74.760.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà T1ều Thị Kim T1 trình bày:

Kim T1 là con của bà Te và ông Lắm, trong giấy hụi cũng ghi tên Tư Lắm.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 29/10/2016 âm lịch. 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm 34 phần, bà tham gia 6 phần, châu đợc 14 lần, với số tiền 55.920.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 10/02/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 29 phần, bà tham gia 03 phần. Đối với dây hụi này, bà châu đợc 23 lần, với số tiền 31.830.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 02 dây hụi là 87.750.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ Dương Thị P trình bày:

Dương Thị Phượng là con của bà Te và ông Lắm, trong giấy hụi cũng tên Tư Lắm.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 12/10/2016 âm lịch. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 31 phần, bà tham gia 3 phần, châu được 15 lần, với số tiền 29.070.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 25/03/2017 âm lịch, khai 01 tháng 01 lần, hụi gồm 32 phần, bà tham gia 04 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 21 lần, với số tiền 84.880.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 02 dây hụi là 113.950.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N PH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ Nguyễn Thị H trình bày:

Ghi trong giấy hụi tên K nhưng bà là người chơi hụi, ông K đã ủy quyền cho bà giải quyết vụ án, bà không đi khai hụi, gửi tiền cho Trần Thị Nguyên đi đóng hụi.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 12/10/2016 âm lịch. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 31 phần, bà tham gia 3 phần, châu được 15 lần, với số tiền 9.690.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 19/6/2017 âm lịch, khai 01 tháng 01 lần, hụi gồm 25 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 05 lần, với số tiền 7.500.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 02 dây hụi là 17.190.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N PH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà Trần N trình bày:

Trong giấy hụi ghi tên Nguyên, bà có đi khai hụi và bà cũng có đi đóng hụi giùm nhiều người.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng, khởi khai ngày 09/4/2017 âm lịch. 04 tháng khai 01 lần, hụi gồm 10 phần, bà tham gia 2 phần, châu được 02 lần, lần 1 châu 15.600.000 đồng, lần 02 châu 14.400.000 đồng, tổng cộng 30.000.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng, khởi khai ngày 04/5/2017 âm lịch, khai 04 tháng 01 lần, hụi gồm 10 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 02 lần, với số tiền 3.600.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng, khởi khai ngày 19/6/2017 âm lịch. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 25 phần, bà tham gia 02 phần, châu được 05 lần, với số tiền 14.760.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 06/7/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 32 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 18 lần, với số tiền 11.950.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống. Tôi còn mua 01 chân hụi 20.200.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 29/10/2016 âm lịch. 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm 32 phần, bà tham gia 3 phần, châu được 14 lần, với số tiền 9.320.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 05 dây hụi là 92.830.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ Nguyễn Thị N1 trình bày:

Trong giấy hụi ghi tên Tư P1, bà là người trực tiếp chơi hụi nhưng chủ hụi ghi tên chồng bà, bà có đi khui hụi nhưng không thường.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 10/3/2016 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần, châu được 20 lần, hốt lần thứ 21 số tiền 18.200.000 đồng, có hốt nhưng chưa được nhận tiền, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 06/7/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 32 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 18 lần, với số tiền 11.950.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 29/10/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 34 phần, bà tham gia 02 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 14 lần, với số tiền 18.460.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 12/10/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 31 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 15 lần, với số tiền 9.840.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ năm: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 09/10/2016 âm lịch. 01 tháng khui 02 lần, khui ngày 09 và 24, hụi gồm 24 phần, bà tham gia 02 phần, châu được 17 lần, với số tiền 27.060.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ sáu: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 11/4/2016 âm lịch. 01 tuần khui 01 lần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 05 phần, châu được 34 lần, với số tiền 14.000.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 06 dây hụi là 99.510.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ Phạm Thị Bích V trình bày:

Trong giấy hụi ghi tên Bích V, bà không có đi khai hụi mẹ bà là Trần Thị H đi khai giùm.

Bà có tham gia 01 dây hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 12/10/2016 âm lịch do bà Yên Đ và ông Nhân làm chủ. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 31 phần, bà tham gia 01 phần, châu được 15 lần, số tiền 11.250.000 đồng, có hốt nhưng chưa được nhận tiền, hụi vẫn còn sống.

Bà yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà Trần Thị H trình bày:

Trong giấy hụi ghi tên cô Bảy, bà có đi khai hụi không thường xuyên, bà là người trực tiếp châu hụi.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 15/9/2015 âm lịch. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 03 phần, châu được 27 lần, lần thứ 28 bà hốt nhưng bà Đ nói bà đã hốt là bà Đ sẽ lấy lại đầu hụi của Pháp – con trai của bà Đ cho bà hốt nhưng cũng không giao. Châu được 21.600.000 đồng, đến nay không nhận được số tiền nào.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 20/7/2016 âm lịch, khai 01 tháng 01 lần, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 03 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 104 lần, với số tiền 7.200.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 02 dây hụi là 28.800.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà Nguyễn Thị H1 (8 Phụng) trình bày:

Trong giấy hụi ghi tên Phụng, bà có đi khai hụi nhưng không thường xuyên, gửi chị Nguyễn châu hụi.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 25/3/2017 âm lịch. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 32 phần, bà tham gia 01 phần, châu được 21 lần, với số tiền 15.750.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 29/10/2016 âm lịch. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 34 phần, bà tham gia 01 phần, châu được 14 lần, với số tiền 10.500.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng, khởi khai ngày 19/6/2017 âm lịch. 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm 25 phần, bà tham gia 02 phần, châu được 05 lần, với số tiền 7.500.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 20/7/2016 âm lịch, khai 01 tháng 01 lần, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 02 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 04 lần, với số tiền 6.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ năm: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 17/6/2017 âm lịch. 01 tuần khui 01 lần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 02 phần, châu được 23 lần, với số tiền 3.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ sáu: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 09/8/2017 âm lịch khui 01 tuần 01 lần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 17 lần, với số tiền 1.275.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ bảy: Hụi 20.000 đồng, khởi khui ngày 29/9/2017 âm lịch, hụi ngày, hụi gồm 60 phần, bà tham gia 05 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 54 lần, với số tiền 5.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ tám: Hụi 20.000 đồng, khởi khui ngày 04/10/2017 âm lịch. hụi ngày, hụi gồm 60 phần, bà tham gia 05 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 49 lần, với số tiền 4.900.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 08 dây hụi là 55.125.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà Thái Thị T1 trình bày:

Trong khao hụi (giấy hụi) ghi tên là T1, không khui hụi báo tiền bao nhiêu thì châu bấy nhiêu, bà tự châu cho bà Yên Đ.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 06/7/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 32 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 18 lần, với số tiền 14.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 20.000 đồng, khởi khui ngày 29/9/2017 âm lịch, hụi ngày, hụi gồm 60 phần, bà tham gia 04 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 56 lần, với số tiền 4.032.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 20/7/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 30 phần. Dây hụi này tôi mua 18.700.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 14/8/2016 âm lịch, khui 01 tháng 02 lần, hụi gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, hốt chót số tiền 22.500.000 đồng, nhận được 16.000.000 đồng, còn 6.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 20/7/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 04 lần, với số tiền 2.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ sáu: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 15/7/2016 âm lịch, khui 01 tuần 01 lần, hụi gồm 50 phần, mua 1.300.000 đồng.

- Dây hụi thứ bảy: Hụi 100.000 đồng, khởi khui ngày 20/7/2016 âm lịch, khui 01 tuần 01 lần, hụi gồm 50 phần, mua 1.300.000 đồng.

Tổng cộng 07 dây hụi là 48.632.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà Nguyễn Thị A trình bày:

Ghi tên trong giấy là ba Tuấn, nhưng thực chất bà là người chơi hụi, bà đóng tiền hụi, mọi giao dịch với bà Yên Đ đều do bà thực hiện, có lúc bà đi khui hụi có lúc không, chủ hụi báo bao nhiêu thì bà đóng bấy nhiêu.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng, khởi khui ngày 24/6/2017 âm lịch. 04 tháng khui 01 lần, hụi gồm 10 phần, bà tham gia 2 phần, châu được 02 lần, với số tiền 13.000.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 29/10/2016 âm lịch, khui 01 tháng 01 lần, hụi gồm 34 phần, bà tham gia 03 phần. Đối với dây hụi này, bà châu được 14 lần, với số tiền 27.420.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Ngoài ra, còn vay 02 lần mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng, lãi 1.000.000 mỗi tháng 50.000 đồng, nhận được 6.000.000 đồng lãi, đến nay không trả vốn lãi.

Yêu cầu trả 40.420.000 đồng hụi và 34.000.000 đồng (sau khi đã khấu trừ tiền 6.000.000 đồng tiền lãi đã nộp), tổng cộng hụi, vay 74.420.000 đồng. Đây là tiền vốn đóng hụi và vốn vay, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên Đ bà P1n Thị Kim P1 trình bày:

Ghi tên trong giấy là KH1, KH1 Thừa, có đi khui hụi nhưng không thường, tiền hụi thì gửi cho Trần Thị Nguyên đóng.

- Dây hụi thứ một: Hụi 2.000.000 đồng, khởi khui ngày 19/6/2017 âm lịch. 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm 25 phần, bà tham gia 01 phần, châu được 05 lần, với số tiền 7.400.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 20.000 đồng, khởi khui ngày 29/9/2017 âm lịch, hụi khui hằng ngày, hụi gồm 60 phần, bà tham gia 05 phần. Đối với dây hụi này, bà đóng được 2.610.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 20.000 đồng, khởi khui ngày 04/10/2017 âm lịch. hụi khui hằng ngày, hụi gồm 60 phần, bà tham gia 06 phần. Đối với dây hụi này, bà đóng được 2.700.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng 03 dây hụi là 12.710.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

* Bà Trần Thị V trình bày:

Bà có tham gia các dây hụi do bà Yên Đ, ông Nhân làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khui ngày 06/7/2016 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, khui vào ngày 06 hằng tháng, hụi gồm 32 phần, bà

tham gia 01 phần, dây hụi này bà châu được 18 lần với số tiền 11.950.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 20/7/2017 âm lịch, 01 tháng khai 01 lần, khai vào ngày 20 hằng tháng, hụi gồm 30 phần, bà tham gia 01 phần, dây hụi này bà châu được 04 lần với số tiền 2.450.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, khởi khai ngày 14/9/2017 âm lịch, 01 tháng khai 02 lần, khai ngày 14 và 29 hằng tháng, hụi gồm 30 phần, châu được 04 lần nhưng không yêu cầu số tiền đã châu. Trong dây hụi này bà có mua 01 đầu hụi với số tiền 15.000.000 đồng, vẫn chưa hốt hụi, hụi vẫn còn sống, yêu cầu trả tiền đầu hụi đã mua là 15.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 100.000 đồng, khởi khai ngày 15/6/2017 âm lịch, 01 tuần khai 01 lần, hụi gồm 50 phần, bà tham gia 02 phần, dây hụi này bà châu được 22 lần số tiền 3.520.000 đồng, chưa hốt, hụi vẫn còn sống.

Tổng cộng là 32.920.000 đồng, yêu cầu vợ chồng Yên Đ và N pH trả số tiền này, đây là tiền vốn đóng hụi, không có lãi và cũng không yêu cầu tính lãi.

Bị Đ ông Trần Văn Nhân trình bày tại buổi H2 giải: Số nợ cụ thể ông không biết rõ, ông sẽ về gặp vợ để đối chiếu công nợ, khi đối chiếu công nợ xong ông sẽ bán tài sản để trả nợ cho bà con.

Bị Đ bà Trần Thị Yên Đ vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và Ngân hàng TMCP CViệt Nam: Vắng mặt tại các lần H2 giải do các Ngân hàng đang kiện ông Nhân, bà Yên Đ vụ kiện khác độc lập với các nguyên Đ trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Các nguyên Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo T1 hành án; yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm.

Bị Đ ông Nhân, bà Yên Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và Ngân hàng TMCP CViệt Nam đồng trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 17/2018/QĐ-BPKCTT ngày 24/4/2018 vì tài sản bị Tòa án phong tỏa là tài sản ông Nhân, bà Yên Đ đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm số nợ vay và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm Teo quy định. Đối với giao dịch hụi giữa các nguyên Đ và bị Đ thì các Ngân hàng không ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ Teo luật định. Nguyên Đ chấp hành đúng quy

định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị Đ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền tố tụng của mình, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị Đ là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chứng cứ trong hồ sơ vụ án là các khao (giấy) hụi thể hiện các nguyên Đ có tham gia các dây hụi do bà Yên Đ làm chủ. Tòa án đã tiến hành H2 giải có mặt ông Nhân, ông Nhân cho rằng số nợ cụ thể ông không rõ, ông sẽ thông báo với vợ, rồi sẽ bán tài sản trả cho các nguyên Đ. Xét thấy, giao dịch của các đương sự là hợp đồng góp hụi, các nguyên Đ là thành viên tham gia chơi hụi do bị Đ làm chủ. Teo lời khai của các nguyên Đ và lời thừa nhận của ông Nhân thì giữa các nguyên Đ và bà Yên Đ có xác lập hợp đồng góp hụi, các hụi viên đã đóng hụi đầy đủ, các nguyên Đ chưa hốt hụi, hụi chưa mãn nhưng bị Đ đã cố ý lánh mặt, ông Nhân có thừa nhận có việc chơi hụi nhưng không biết bao nhiêu, có hứa về thông báo với vợ về số tiền nợ cụ thể rồi sẽ bán tài sản trả nợ, nhưng đến nay ông Nhân, bà Yên Đ vẫn không về tham dự phiên tòa. Tòa án tổng đạt biên bản H2 giải và các chứng cứ mà nguyên Đ cung cấp cho ông Nhân, nhưng bị Đ ông Nhân, bà Yên Đ không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên Đ là T1ộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không pH chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không pH chứng minh”. Do đó, yêu cầu của các nguyên Đ là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng mà bà Ánh yêu cầu, tại phiên tòa bà Ánh đồng ý khấu trừ 6.000.000 đồng tiền lãi mà bà Yên Đ, ông Nhân đã đóng còn 34.000.000 đồng. Như nhận định trên thì yêu cầu của bà Ánh là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ánh.

Đối với yêu cầu của nguyên Đ về việc buộc ông Nhân có trách nhiệm liên đới cùng bà Yên Đ trả nợ hụi cho các nguyên Đ. Xét thấy, bà Yên Đ làm chủ nhiều dây hụi từ hụi ngày đến hụi tuần, hụi, hụi tháng việc khai hụi, góp hụi diễn ra thường xuyên, ông Nhân là chồng sống chung nhà buộc phải biết. Ông Nhân, bà Yên Đ còn trong thời kỳ hôn nhân và ông Nhân cũng thừa nhận có việc nợ hụi nhưng không rõ số tiền cụ thể. Do đó, căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình buộc ông Nhân liên đới với bà Yên Đ trả nợ cho các nguyên Đ là phù hợp quy định pháp luật, số tiền cụ thể như sau: Trả cho bà L 43.240.000 đồng, bà Te 281.418.000 đồng, T 74.760.000 đồng, T1 87.750.000 đồng, Phượng 113.950.000 đồng, Hải 17.190.000 đồng, Nguyên 92.830.000 đồng, N1 99.510.000 đồng, V 11.250.000 đồng, H 28.800.000 đồng, H1 55.125.000 đồng,

T1 48.632.000 đồng, Ảnh 74.420.000 đồng, P1 12.710.000 đồng, V 32.920.000 đồng.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án quyết định áp dụng trong khi các tài sản đó hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, Ngân hàng TMCP CViệt Nam và có đăng ký thế chấp giao dịch bảo đảm là chưa phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa đại diện các Ngân hàng yêu cầu hủy bỏ quyết định này. Xét thấy yêu cầu này là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và hủy bỏ các biện pháp bảo đảm.

Bị Đ bà Yên Đ và ông Nhân vi phạm nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm Teo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy hụi 10.000.000 đồng ngày 24/6/2017; Giấy hụi 10.000.000 đồng ngày 09/4/2017; Giấy hụi 5.000.000 đồng ngày 04/5/2017; Giấy hụi 2.000.000 đồng ngày 19/6/2017; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 20/7/2017; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 15/9/2015; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 17/02/2017; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 06/7/2016 - Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 09/4/2016; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 29/10/2016; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 10/3/2016; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 12/10/201; Giấy hụi 1.000.000 đồng ngày 25/3/2016; Giấy hụi 100.000 đồng ngày 09/8/2017; Giấy hụi 100.000 đồng ngày 15/6/2017; Giấy hụi 100.000 đồng ngày 17/6/2017; Giấy hụi 100.000 đồng ngày 11/4/2017; Giấy hụi 20.000 đồng ngày 29/9/2017; Giấy hụi 20.000 đồng ngày 29/10/2017; Giấy hụi 20.000 đồng ngày 04/10/2017; Biên bản xác minh tình trạng cư trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên Đ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tranh chấp của các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng góp hụi, vay tài sản bị Đ có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C nên T1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C Teo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về T1 thập chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của ông Nhân, bà Yên Đ thì được chính quyền địa phương xác nhận ông Nhân, bà Yên Đ có ở địa phương nhưng thời gian gần đây vợ chồng đã bỏ đi không thông báo. Khi Tòa án niêm yết Thông báo H2 giải thì ông Nhân có về tham dự H2 giải, ông Nhân đã được tiếp cận các chứng cứ là các khao hụi mà các nguyên Đ cung cấp để làm chứng cứ giải quyết vụ án. Ngoài ra, tại phiên H2 giải ông Nhân khai nhận số tiền mà các nguyên Đ yêu cầu trả thì ông không rõ số tiền cụ thể ông sẽ thông tin lại với vợ, rồi sẽ bán tài sản trả lại cho các chủ nợ. Sau buổi H2 giải Tòa án đã tổng đạt biên bản H2 và biên bản công khai chứng cứ để cho ông mang về cho bà Yên Đ, nhưng đến nay ông Nhân, bà Yên Đ không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ việc thì xem như ông Nhân không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên Đ là T1ộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không pH chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không pH chứng minh”, nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên Đ cung cấp để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự:

Bị Đ Trần Văn Nhân, Trần Thị Yên Đ Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên Đ:

Các đương sự khai nhận trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 có tham gia nhiều dây hụi do bà Yên Đ làm chủ, các nguyên Đ đóng hụi đầy đủ Teo yêu cầu của chủ hụi, một số ít đã hót nhưng cũng không nhận được tiền, phần lớn là chưa hót, hụi vẫn chưa mãn thì bà Yên Đ đã đi khỏi địa phương, toàn bộ số tiền mà các nguyên Đ đã đóng bà Yên Đ không trả lại. Do đó, các nguyên Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Yên Đ, ông Nhân phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho các nguyên Đ cụ thể số tiền sau: Bà L yêu cầu 43.240.000 đồng; bà Nguyễn Thị Te yêu cầu 281.418.000 đồng; bà Dương Thị T yêu cầu 74.760.000 đồng; bà T1ều Thị Kim T1 yêu cầu 87.750.000 đồng; bà Dương Thị P yêu cầu 113.950.000 đồng; bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K yêu cầu 17.190.000 đồng; Trần Thị Nguyên yêu cầu 92.830.000 đồng; bà Nguyễn Thị N1 và ông Huỳnh Văn P1 yêu cầu 99.510.000 đồng; bà Phạm Thị Bích V yêu cầu 11.250.000 đồng; bà Trần Thị H yêu cầu 28.800.000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu 55.125.000 đồng; bà Thái Thị T1 yêu cầu 48.632.000 đồng; bà Nguyễn Thị A yêu cầu 40.420.000 đồng hụi và 34.000.000 đồng, tổng cộng hụi, vay 74.420.000 đồng; bà P1n Thị Kim P1 yêu cầu 12.710.000 đồng; bà Trần Thị V yêu cầu 32.920.000 đồng. Ông Nhân biết được nợ hụi nhưng

không biết số tiền cụ thể, ông đồng ý bán tài sản trả nợ cho các nguyên Đ sau khi đối chiếu nợ xong với bà Yên Đ. Đối với bà Yên Đ vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Xét giao dịch của các đương sự là về hợp đồng góp hụi các bên không xác lập bằng văn bản cụ thể, nhưng khi giao dịch chủ hụi có đưa cho các hụi viên khao hụi, trong đó thể hiện dây hụi bao nhiêu tiền, số người tham gia, số người hốt, thời điểm khởi khai, số lần khai trong kỳ, cuối khao hụi ghi chủ hụi Út Đ kèm Teo số điện thoại. Mặc dù các bên không ký vào khao hụi nhưng chủ hụi đưa khao hụi, thành viên không phản đối, các lần khai hụi có mặt một số hụi viên, có góp hụi và châu hụi đầy đủ. Teo tập quán chơi hụi trong dân gian từ xưa đến nay thì những người tham gia hụi, họ, biêu, phường thường không xác lập hợp đồng nhưng giao dịch của họ có xảy ra trong thực tế là phù hợp quy định pháp luật tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, ngày 28 tháng 6 năm 2018 ông Trần Văn Nhân cho rằng số nợ cụ thể ông không biết rõ, ông sẽ gặp vợ ông để đối chiếu công nợ, khi đối chiếu xong ông sẽ bán tài sản để trả nợ cho mọi người. Ông Nhân có photo biên bản H2 giải để mang về cho vợ xem và đối chiếu công nợ. Qua lời khai của ông Nhân thể hiện ông Nhân biết vụ việc vợ ông làm chủ hụi, vợ ông có nợ hụi nhưng không rõ số tiền cụ thể, ông đã mang biên bản về cho bà Yên Đ xem, tuy nhiên đến nay bà Yên Đ vẫn không gửi văn bản phản hồi ý kiến. Bà Yên Đ, ông Trần Văn Nhân đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng, chứng cứ và biết rõ số tiền cụ thể mà các nguyên Đ yêu cầu nhưng bà Yên Đ, ông Nhân không có ý kiến hay phản tố lại yêu cầu của các nguyên Đ là T1ộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh Teo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Teo tập quán quan hệ giao dịch góp hụi trong dân gian thì các hụi viên có trách nhiệm đóng hụi cho chủ hụi, chủ hụi T1 gom tiền hụi, giao lại cho người bỏ hụi cao hốt, nếu có hụi viên nào hốt mà không châu lại thì chủ hụi phải có trách nhiệm bồi thường do chủ hụi có hưởng huê hồng trong mỗi kỳ khai hụi. Trong vụ án này Teo lời trình bày của các nguyên Đ thì các nguyên Đ chỉ châu hụi chứ chưa được hốt hụi và hụi vẫn chưa kết thúc. Nếu có việc hụi viên nào đó hốt rồi không châu hụi lại thì bà Yên Đ vẫn có trách nhiệm châu thay. Ngược lại, các nguyên Đ cho rằng đều không hốt hoặc hốt cũng chưa nhận được tiền và ông Nhân có mặt tại phiên H2 giải cũng không nói là bà Yên Đ bị hụi viên nào đó hốt rồi không châu lại. Do đó, có căn cứ bà Yên Đ đã gom tiền hụi của các hụi viên rồi không thực hiện nghĩa vụ làm chủ mà bỏ đi để mặc các hụi viên, nên các hụi viên yêu cầu bà Yên Đ, ông Nhân phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Ông Nhân và bà Yên Đ còn trong thời kỳ hôn nhân, hồ sơ trong vụ án thể hiện bà Yên Đ T1ết lập hơn 20 dây hụi, từ hụi ngày, hụi tuần, hụi nửa tháng, hụi tháng, trung bình là ngày nào cũng có khai hụi, góp hụi, châu hụi, nên buộc ông Nhân phải biết việc bà Yên Đ làm chủ hụi, biết được bà Yên Đ nợ hụi, đồng thời

ông có hứa bán tài sản trả nợ cho các nguyên Đ nên các nguyên Đ yêu cầu ông Nhân phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho các nguyên Đ là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên Đ như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Lẽ ra, bà Yên Đ, ông Nhân phải chịu lãi đối với số tiền mà ông bà không trả cho các hui viên, nhưng nguyên Đ không yêu cầu là có lợi cho bị Đ.

Ngoài số tiền hui bà Nguyễn Thị Ánh còn yêu cầu bà Yên Đ, ông Nhân phải trả số tiền vay 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi đã nhận là 6.000.000 đồng. Xét giao dịch của bà Ánh, bà Yên Đ, là hợp đồng vay tài sản, tuy không lập thành văn bản, nhưng bà Yên Đ đã được cung cấp thông tin đầy đủ về yêu cầu khởi kiện của bà Ánh, mà vẫn không có ý kiến, xem như T1ộc trường hợp sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên Đ là phù hợp quy định pháp luật. Việc giao dịch của các bên là hợp đồng vay có lãi nhưng nguyên Đ lại không yêu cầu tính lãi và đồng ý khấu trừ vào vốn là có lợi cho bị Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận khấu trừ 6.000.000 đồng lãi đã đóng vào vốn, cụ thể: 40.000.000 đồng – 6.000.000 đồng = 34.000.000 đồng. Như nhận định trên ông Nhân, bà Yên Đ trong thời kỳ hôn nhân và các giao dịch của bà Yên Đ vì phục vụ kinh tế gia đình, nên bà Ánh yêu cầu ông Nhân, bà Yên Đ cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Ánh số tiền vay 34.000.000 đồng là có căn cứ.

Tổng cộng số tiền mà bà Yên Đ, ông Nhân phải trả cho bà Ánh là 40.420.000 đồng + 34.000.000 đồng = 74.420.000 đồng.

Ngoài ra, các nguyên Đ còn yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 17/2018/QĐ-BPKCTT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa các tài sản mà bị Đ đang thế chấp cho các Ngân hàng, có đăng ký giao dịch bảo đảm Teo quy định pháp luật, Quyết định này là chưa phù hợp pháp luật bởi lẽ các tài sản này đã thế chấp và có đăng ký giao dịch bảo đảm Teo quy định, nên nguyên Đ yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không phù hợp quy định pháp luật; Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và Ngân hàng TMCP CViệt Nam yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời, với việc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải hủy bỏ các biện pháp giao dịch bảo đảm để hoàn trả lại số tiền đã nộp cho các nguyên Đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của các nguyên Đ được chấp nhận toàn bộ nên các nguyên Đ được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

từ ngày có Đ yêu cầu T1 hành án của người được T1 hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T1 hành án) cho đến khi T1 hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T1 hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải T1 hành án Teo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 17/2018/QĐ-BPKCTT ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 15/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Dương Thị L được nhận lại 4.300.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 08/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thị Te được nhận lại 27.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 09/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Dương Thị T được nhận lại 7.400.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 11/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà T1ều Thị Kim T1 (Teo Quyết định là T1ều Thị Kiều T1) được nhận lại 8.700.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 10/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Dương Thị Phượng được nhận lại 11.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 16/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thị Hải và ông Nguyễn Văn K được nhận lại 1.900.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 03/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Trần Thị Nguyên được nhận lại 9.200.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 13/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thị N1 (Teo Quyết định là Nảo) và ông Huỳnh Văn P1 được nhận lại 10.000.000

đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 07/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Phạm Thị Bích V được nhận lại 1.100.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 06/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Trần Thị H được nhận lại 2.800.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 05/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại 5.500.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 04/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Thái Thị T1 được nhận lại 4.800.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 12/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thị Ánh được nhận lại 8.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 14/2018/QĐ-BPĐB ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà P1n Thị Kim P1 được nhận lại 1.200.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Nhân, bà Trần Thị Yên Đ phải chịu 44.205.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị L được nhận lại 1.081.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002578 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Nguyễn Thị Te được nhận lại 6.989.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002128 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Dương Thị T được nhận lại 1.869.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0017528 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà T1ều Thị Kim T1 được nhận lại 2.193.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 002127 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Dương Thị Phụng được nhận lại 2.848.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0017531 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Hải được nhận lại 429.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002577 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Trần Thị Nguyên được nhận lại 2.321.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0017428 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Nguyễn Thị N1 được nhận lại 2.512.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002548 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Phạm Thị Bích V được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002590 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại 1.378.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0017427 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Thái Thị T1 được nhận lại 1.215.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002144 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Nguyễn Thị Ánh được nhận lại 2.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0017651 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Trần Thị H được nhận lại 720.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002589 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà P1n Thị Kim P1 được nhận lại 317.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0017652 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Bà Trần Thị V được nhận lại 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Teo biên lai T1 số: 0002305 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời

hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ thời điểm nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được T1 hành Theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án dân sự, người pH T1 hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa T1ận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án Theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật T1 hành án dân sự; thời hiệu T1 hành án được thực hiện Theo quy định tại Điều 30 Luật T1 hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để T1 hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng T1

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng T1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để T1 hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng T1

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C**
TỈNH AN GIANG

CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên Đ: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị Đ: Chị P1n Thị T1, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị P1n Thị T1: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp Theo biên lai T1 số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được T1 hành Theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án dân sự, người phải T1 hành án dân sự có quyền thỏa T1ận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án Theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật T1 hành án dân sự; thời hiệu T1 hành án được thực hiện Theo quy định tại Điều 30 Luật T1 hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi